

Số: 37/TB-HĐTD

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2024

THÔNG BÁO

**Kết quả chấm phúc khảo Vòng 2 kỳ thi tuyển dụng công chức
Kiểm toán nhà nước năm 2024**

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2023 quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 1674/QĐ-KTNN ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức Kiểm toán nhà nước năm 2024;

Căn cứ kết quả thi của các thí sinh, Hội đồng tuyển dụng công chức Kiểm toán nhà nước thông báo kết quả chấm phúc khảo Vòng 2 bài thi viết kỳ thi tuyển công chức Kiểm toán nhà nước năm 2024 (theo danh sách đính kèm).

Hội đồng tuyển dụng công chức Kiểm toán nhà nước trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Tổng KTNN (để b/c);
- Phó Tổng KTNN Doãn Anh Thơ;
- Các thành viên HĐTD;
- Vụ Tổ chức cán bộ;
- Các đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng;
- Cổng Thông tin điện tử KTNN;
- Lưu: VT, TCCB; HĐTD (03).



VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ
Đỗ Văn Tạo

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC NĂM 2024

KẾT QUẢ CHẤM PHÚC KHẢO VÒNG 2 BÀI THI VIẾT

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Số báo danh	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết trước phúc khảo	Điểm thi viết sau phúc khảo	Điểm thi phỏng vấn	Tổng điểm sau phúc khảo bài viết
1	Nguyễn Đức Anh	31-03-93	Kinh	KT013	1	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính - Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN KV III			31,5	30,5	21	51,5
2	Phạm Thúy Anh	22-10-95	Kinh	KT023	1	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính - Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN K VX			29,5	29,5	24	53,5
3	Đồng Xuân Dũng	28-05-00	Kinh	KT044	2	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính - Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN KV VI			15,5	18,5	25	43,5
4	Nguyễn Xuân Dũng	13-04-99	Kinh	KT050	3	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính - Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN KV III			15	14,5	15	29,5
5	Nguyễn Thành Đạt	13-10-00	Kinh	KT064	3	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính - Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN KV XIII			28	30	26	56
6	Nguyễn Văn Cẩm Giang	13-12-90	Kinh	KT069	3	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính - Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN KV XII			23	27,5	13	40,5
7	Nguyễn Thị Hòa	21-07-84	Kinh	KT096	5	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính - Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN KV IV			18	15	18	33
8	Vũ Đức Hoàng	17-08-99	Kinh	KT103	5	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính - Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	Văn phòng KTNN			19,5	20,5	26	46,5
9	Đào Nhật Huy	07-05-97	Kinh	KT107	5	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính - Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN KV XI			32	29	20	49
10	Lê Hồng Huy	17-01-93	Kinh	KT109	5	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính - Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN KV XI			27	27	11	38



TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Số báo danh	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết trước phúc khảo	Điểm thi viết sau phúc khảo	Điểm thi phỏng vấn	Tổng điểm sau phúc khảo bài viết
11	Trương Đức Huy	23-03-95	Kinh	KT112	5	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính - Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN CN II			20	18	26	44
12	Nguyễn Lê Thảo Linh	10-11-02	Kinh	KT143	7	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính - Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	Vụ Pháp chế			38	35	23	58
13	Đặng Hải Long	03-01-01	Kinh	KT156	7	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính - Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN KV XIII			13,5	13	19	32
14	Nguyễn Thị Kim My	01-01-91	Kinh	KT176	8	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính - Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN KV V			15	12	22	34
15	Nguyễn Thị Thu Ngân	12-08-02	Kinh	KT183	9	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính - Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN KV VI			24	24	22	46
16	Nguyễn Trần Nhân	13-01-93	Kinh	KT195	9	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính - Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN KV III			33,5	33,5	20	53,5
17	Võ Trọng Nguyễn Phong	25-05-92	Kinh	KT204	10	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính - Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN KV XIII			32	31	28	59
18	Đỗ Nhật Quang	28-12-94	Kinh	KT214	10	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính - Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN CN II			31	35	23	58
19	Hoàng Thị Thảo	20-11-98	Kinh	KT255	12	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính - Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN CN II			25,5	26	16	42
20	Nông Đức Thắng	10-05-95	Tày	KT261	12	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính - Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN KV XIII	Dân tộc thiểu số	5	31,5	31,5	17	53,5
21	Bế Ngọc Thủy	19-11-94	Tày	KT269	12	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính - Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN KV VI	Dân tộc thiểu số	5	20	24,5	16	45,5
22	Phạm Anh Thư	07-10-02	Kinh	KT270	13	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính - Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN CN II			40	40	20	60



TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Dân tộc	Số báo danh	Phòng thi	Chuyên ngành đăng ký dự thi	Đơn vị đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm thi viết trước phúc khảo	Điểm thi viết sau phúc khảo	Điểm thi phỏng vấn	Tổng điểm sau phúc khảo bài viết
23	Mai Thị Hà Trang	05-01-99	Kinh	KT279	13	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính - Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN CN II			30	27	13	40
24	Chu Hồng Vân	24-06-99	Kinh	KT294	14	Kế toán; Kiểm toán; Tài chính - Ngân hàng; Quản trị kinh doanh	KTNN CN II			44	44	14	58
25	Lưu Ngọc Quỳnh Khôi	25-04-98	Kinh	XD015	15	Kiến trúc; Xây dựng; Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	KTNN KV IV	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự	2,5	16	13	15	30,5
26	Vũ Khánh Thu	24-08-01	Kinh	XD028	16	Kiến trúc; Xây dựng; Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng	KTNN KV VI			9	7	24	31
27	Ngô Thế Cường	29-10-87	Kinh	MT002	16	Khoa học môi trường; Kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên môi trường	KTNN KV XII			25,5	25	25	50

